

HẠN CHẾ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA SỞ HỮU CHÉO ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGÂN HÀNG TẠI VIỆT NAM

Huỳnh Thị Hương Thảo

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

Ngày gửi bài: 13/4/2016

Ngày chấp nhận đăng: 20/5/2016

TÓM TẮT

Hệ thống ngân hàng Việt Nam đã có những bước tăng trưởng nhanh về cả số lượng lẫn quy mô và hiệu quả hoạt động, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế. Tuy nhiên, sự tăng trưởng đó lại tiềm ẩn nhiều rủi ro đến hệ thống ngân hàng khi có sự gia tăng mạnh mẽ mạng lưới sở hữu chéo giữa các ngân hàng với nhau. Sự phát triển đan xen, phức tạp của mạng lưới sở hữu chéo gây ra nhiều lo ngại đến sự lành mạnh và an toàn của toàn hệ thống ngân hàng. Trên cơ sở tìm hiểu thực trạng sở hữu chéo của hệ thống ngân hàng tại Việt Nam, tác giả đã đưa ra một số đề xuất nhằm hạn chế tác động tiêu cực của sở hữu chéo đến hoạt động kinh doanh ngân hàng.

Từ khóa: sở hữu chéo, hoạt động kinh doanh ngân hàng.

NEGATIVE IMPACT LIMITATION OF CROSS OWNERSHIP TO BANKING BUSINESS IN VIETNAM

ABSTRACT

Vietnam banking system has experienced rapid growth in both the number and scale and operational efficiency, contribute positively to the economic development. However, the growth have potential risks to the banking system when there is a strong increase in cross-ownership network between banks together. The interwoven, complex development of cross-ownership network caused much concern to the health and safety of the banking system. Based understand the status of the cross-ownership of Vietnam banking system, the author gave some suggestions to limit the negative impact of cross-ownership to the banking business.

Keywords: cross-ownership, banking business.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, vấn đề sở hữu chéo liên quan đến các tổ chức tín dụng ở Việt Nam đang ngày càng trở nên phổ biến. Bên cạnh các mặt tích cực mang lại thì sở hữu chéo là một trong những nguyên nhân quan trọng có thể dẫn đến các tác động tiêu cực cho hệ thống ngân hàng như cho vay theo quan hệ, thu xếp vốn cho những dự án đầu tư chưa minh bạch hoặc phục vụ mục đích thâm tóm ngân hàng. Trục trặc của hệ thống ngân hàng liên tục phát sinh bộc lộ với việc các ngân hàng thương mại (NHTM) dùng sở hữu chéo để lách, không tuân thủ các quy định bảo đảm an toàn hoạt động. Chính vì vậy, việc hạn chế sở hữu chéo trong hoạt động kinh doanh ngân hàng là cần thiết trong tình hình kinh tế hiện nay tại Việt Nam.

2. SỞ HỮU CHÉO, NGUYÊN NHÂN VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG

Sở hữu chéo là hiện tượng doanh nghiệp này chiếm giữ cổ phần tại doanh nghiệp khác. Sở hữu chéo có thể phân thành ba loại: (i) trực tiếp (khi công ty A có cổ phần tại công ty B), (ii) gián tiếp (khi A có cổ phần tại B và B có cổ phần tại C thì A sở hữu gián tiếp C), và (iii) sở hữu vòng (khi A có cổ phần tại B, B có cổ phần tại C, C lại có cổ phần tại A). Tình trạng

sở hữu chéo trong hệ thống ngân hàng xuất phát từ các nguyên nhân khác nhau như:

- Từ nhu cầu tăng vốn của NHTM: Thời kỳ kinh tế tăng trưởng nóng, yêu cầu vốn của các ngân hàng (NH) trở nên lớn hơn, theo quy định thì đến năm 2010 vốn điều lệ thực góp của các NHTM phải đạt 3.000 tỉ đồng, điều này đã gây nên áp lực đối với nhiều NHTM khiến họ phải thông qua sở hữu chéo để tăng vốn ảo.

- Các doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng muốn thâm nhập lẫn nhau với mục đích tăng quy mô hay cho vay “doanh nghiệp sâu” của mình. Tăng trưởng tín dụng nóng khiến cho các doanh nghiệp khó tiếp cận vốn ngân hàng. Để có thể đáp ứng được nhu cầu tín dụng qui mô lớn, các doanh nghiệp cần liên kết hoặc sở hữu NH để đảm bảo việc cung ứng vốn không bị gián đoạn. Tương tự, các NH cũng chịu áp lực tăng trưởng tín dụng nên thường có xu hướng cho các doanh nghiệp thân quen vay để giảm thời gian đánh giá và thẩm định hồ sơ.

Trong hệ thống ngân hàng, có thể phân sở hữu chéo thành hai loại: (i) sở hữu giữa doanh nghiệp và NH, theo đó doanh nghiệp sở hữu cổ phần của NH hoặc NH sở hữu cổ phần của doanh nghiệp; và (ii) các NH nắm cổ phần của nhau. Với loại sở hữu chéo thứ nhất, khi đại diện của NH có mặt trong hội đồng quản trị của doanh nghiệp, NH sẽ nắm bắt rõ thông tin chính xác về hoạt động của doanh nghiệp, giúp NH giám sát con nợ chặt chẽ. Ngoài ra, NH cũng có thể gây ảnh hưởng đối với hoạt động của công ty. Tuy nhiên, nếu một cá nhân vừa là thành viên hội đồng quản trị của NH vừa là giám đốc doanh nghiệp sẽ xuất hiện xung đột lợi ích. Với vai trò là giám đốc doanh nghiệp, có thể sẽ xuất hiện tình huống cá nhân này cố gắng dành được những khoản đi vay tốt nhất cho công ty. Điều này dễ dẫn đến những khoản vay giá rẻ hoặc những điều kiện lỏng lẻo, có lợi cho doanh nghiệp. Mâu thuẫn này là một trong những nguyên nhân dẫn đến khó khăn trong kinh doanh ngân hàng.

Sở hữu chéo giữa các tổ chức tín dụng với nhau có thể đem lại một số lợi ích nhất định trong việc dễ dàng hợp tác tài trợ vốn cho các dự án lớn, đòi hỏi sự tham gia của nhiều NH. Tuy nhiên, nó cũng tạo ra các cấu kết ngầm tương tự như ở các ngành khác. Các tổ chức tài chính có sở hữu chéo có thể liên minh với nhau để khống chế giá (lãi suất, tỷ giá) trên thị trường tín dụng.

3. THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA SỞ HỮU CHÉO TẠI HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VIỆT NAM

Từ thực tiễn hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam cho thấy, sở hữu chéo trong hệ thống ngân hàng có thể chia thành các nhóm sau:

- **Sở hữu của NHTM nhà nước tại các ngân hàng liên doanh:** Đến cuối năm 2015, toàn hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam có ba NH liên doanh. Thông thường, một NH liên doanh được sở hữu bởi một NH trong nước và một NH nước ngoài. Ngân hàng Indovina là NH liên doanh đầu tiên được thành lập tại Việt Nam vào năm 1990 với sự hợp tác của Vietinbank và ngân hàng Cathay United của Đài Loan với tỷ lệ góp vốn ngang nhau là 50%. Tiếp đó, ngân hàng VID Public Bank được thành lập với tỷ lệ vốn góp 50:50 giữa BIDV và ngân hàng Public Bank Berhad của Malaysia. NH liên doanh Việt Nga là liên doanh giữa

BIDV và ngân hàng VTB (trước là Ngân hàng Ngoại thương Nga Vneshtorgbank) với mức góp vốn điều lệ ngang nhau. Sự hợp tác liên doanh giữa một NH nước ngoài và một NH trong nước nhằm tận dụng kinh nghiệm, mạng lưới hoạt động, sự am hiểu thị trường của NH trong nước khi một NH nước ngoài muốn đầu tư vào thị trường tài chính Việt Nam.

Bảng 1. Số lượng các ngân hàng tại Việt Nam

Năm	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
1. NHTM nhà nước (*)	5	5	5	5	5	5	5	7
2. NHTMCP	40	39	37	35	34	33	33	28
3. NH nước ngoài và chi nhánh NH nước ngoài	44	45	53	55	54	58	54	55
4. NH liên doanh	5	5	5	4	4	4	4	3
Tổng cộng	94	94	100	99	97	100	96	93

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của NHNN

(*) NHTM nhà nước trong nghiên cứu là các NH do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

- Cổ đông chiến lược nước ngoài tại các NHTM

Cổ đông chiến lược tại các NHTM Việt Nam thường là các định chế tài chính nước ngoài hoặc là các công ty quản lý quỹ. Sự hợp tác với các cổ đông chiến lược nước ngoài đã mở ra cơ hội cho các NHTM trong nước nâng cao tiềm lực tài chính, tiếp thu kinh nghiệm quản lý và công nghệ hiện đại từ các định chế tài chính hàng đầu để nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh. Tính đến cuối 2015, có 13 NHTM có đối tác chiến lược là các tập đoàn tài chính nước ngoài với tỷ lệ sở hữu từ 10% - 20%.

Bảng 2. Cổ đông chiến lược nước ngoài tại các NHTMVN đến 31/12/2015

STT	NH nước ngoài đầu tư	NH trong nước	Tỷ lệ	Thời điểm
1	ANZ	Sacombank	10%	3/2005
2	Standard Chartered Bank	ACB	15%	6/2005
3	HSBC	Techcombank	20%	12/2005
4	United Overseas Bank	Phuongnambank	15%	1/2007

STT	NH nước ngoài đầu tư	NH trong nước	Tỷ lệ	Thời điểm
5	Deutsche Bank	Habubank (đã sáp nhập vào SHB)	10%	6/2007
6	Sumitomo Mitsui Financial Group	Eximbank	15%	8/2007
7	BNP Paribas	OCB	20%	2/2008
8	MayBank	Anbinhbank	15%	3/2008
9	OCBC	VPbank	15%	5/2008
10	Societe Generale	SeAbank	15%	8/2008
11	Commonwealth Bank of Australia	VIB	15%	9/2010
12	Mizuho Bank	Vietcombank	15%	9/2011
13	Bank of Tokyo Mitsubishi UFJ	Vietinbank	20%	5/2013

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo thường niên của các NHTM

- **Sở hữu lẫn nhau giữa các NHTM Việt Nam:** Hiện tượng sở hữu lẫn nhau giữa các NHTM cũng khá phổ biến ở Việt Nam hiện nay. Các NH như NHTM cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, NHTM cổ phần ngoại thương Việt Nam, NHTM cổ phần công thương Việt Nam và NH nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) đều sở hữu các NH khác. NHTM cổ phần hàng hải Việt Nam (Maritimebank) được sở hữu bởi Agribank, trong khi đó Maritimebank lại đang sở hữu NHTM cổ phần quân đội. NHTM cổ phần Á Châu đang sở hữu NHTM cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) nhưng Eximbank đang sở hữu NHTM cổ phần Sài Gòn Thương Tín...

- **Sở hữu NHTM bởi các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và tư nhân:** trong giai đoạn bùng nổ các NHTM và quỹ đầu tư tài chính, rất nhiều tập đoàn và tổng công ty nhà nước đã tham gia góp vốn hình thành các NH này. Hầu hết các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đều sở hữu NH (Tập đoàn điện lực Việt Nam sở hữu NHTM cổ phần An Bình, Tập đoàn viễn thông quân đội sở hữu NHTM cổ phần quân đội, Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam và Tập đoàn cao su sở hữu NHTM cổ phần Sài Gòn - Hà Nội, Tập đoàn tài chính bảo hiểm Bảo Việt sở hữu NHTM cổ phần Bảo Việt). Bên cạnh đó, một số NH còn lập ra hoặc

góp cổ phần trong các công ty kinh doanh hạch toán độc lập như các công ty chứng khoán, đầu tư tài chính, bảo hiểm, bất động sản. Trong giai đoạn từ 2007 trở lại đây, nhiều NH có xu hướng chuyển sang mô hình tập đoàn tài chính. Trong mô hình này, các NH sẽ tham gia góp vốn thành lập các công ty con kinh doanh trong các lĩnh vực bất động sản, môi giới chứng khoán, quản lý quỹ, bảo hiểm, cho thuê tài chính, kiều hối v.v...

Với các hình thức sở hữu chéo như trên, có thể thấy một số rủi ro mà sở hữu chéo gây ra cho hệ thống ngân hàng Việt Nam như sau:

- Quy định an toàn vốn bị vô hiệu hóa: theo quy định của Nghị định 141/2006/NĐ-CP, vốn điều lệ thực góp của các NH phải đạt 1.000 tỷ đồng vào năm 2008 và 3.000 tỷ đồng vào năm 2010. Thông qua sở hữu chéo, các NH có thể "lách" thông qua việc vay vốn từ NH này góp cho NH kia và ngược lại. Chính điều này đã tạo ra luồng vốn tưởng là góp thật vào hệ thống nhưng thực chất lại là vốn vay lẫn nhau giữa các NH. Đến cuối năm 2015, các NHTM đều có vốn điều lệ trên 3.000 tỷ đồng nhưng trên thực tế, quy mô của dòng vốn mới thực sự được bổ sung vào hệ thống ngân hàng vẫn chưa được làm rõ. Với quy mô vốn điều lệ tăng, các NH được phép huy động thêm tiền gửi trong dân cư và hàng nghìn tỷ đồng vốn huy động mới này lại có thể được dùng để tài trợ cho những dự án sâu sau của chính các cổ đông lớn của NH. Ngoài ra, sở hữu chéo làm sai lệch việc đánh giá rủi ro của hệ thống ngân hàng vì rất nhiều chỉ số dựa trên số vốn tự có như hệ số an toàn (CAR) hay tỷ lệ vốn tự có/tổng tài sản, trong khi đó vốn tự có của các ngân hàng không thực chất là có quy mô như vậy mà bao gồm cả nguồn vốn ảo do sở hữu chéo. Trong những năm gần đây, tăng trưởng tín dụng của các NH liên tục nóng khiến hệ số đòn bẩy tài chính tăng lên và hệ số an toàn vốn CAR giảm, đồng thời tầm đệm để phòng ngừa rủi ro là vốn tự có lại mỏng và bị gây nhiễu bởi sở hữu chéo, tất cả những điều đó càng làm trầm trọng hơn những khó khăn của hệ thống. Các chỉ số không chính xác lại dẫn đến sai lệch cả về quản trị ngân hàng cũng như việc giám sát đối với hệ thống tài chính. Điều này là đặc biệt nguy hiểm vì những rủi ro trong lĩnh vực ngân hàng tài chính khi bùng phát thì có sức lan tỏa rất rộng và hậu quả nghiêm trọng cho toàn bộ nền kinh tế.

- Giới hạn cấp tín dụng cho một khách hàng hoặc một nhóm khách hàng có liên quan chưa được tuân thủ nghiêm ngặt trong các trường hợp ngoại lệ cho vay theo chỉ định và được sự phê duyệt của Chính phủ. Hơn nữa, theo quy định, mặc dù NHTM không được cho các cổ đông của mình vay vốn, nhưng họ đã cho vay đối với các công ty liên quan của cổ đông này mà không bị ràng buộc bởi quy định đó. Sự tập trung tín dụng quá lớn vào các công ty "sâu sau" của nhóm cổ đông lớn chi phối NH làm tăng mức độ rủi ro tín dụng của toàn hệ thống NH và là nguyên nhân sâu xa của sự gia tăng tỷ lệ nợ xấu nhanh chóng. Việc cho vay dựa vào quan hệ hơn là đánh giá hiệu quả dẫn đến sự phân bổ nguồn lực không hợp lý, làm giảm hiệu quả chung của nền kinh tế. Theo luật các tổ chức tín dụng năm 2010 cũng như Thông tư 13/2010/TT-NHNN, hoạt động NH đầu tư phải được tách bạch khỏi hoạt động của NHTM; theo đó, NH không được cấp tín dụng cho công ty trực thuộc hoạt động kinh doanh chứng khoán. Tuy nhiên, bằng sở hữu chéo, thay vì cho vay trực tiếp, NH A có thể mua trái phiếu

của NH B (A đang sở hữu) để NH B cho vay, hoặc đầu tư vào trái phiếu của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ của NH A.

4. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM HẠN CHẾ SỞ HỮU CHÉO NHẪM ĐẢM BẢO AN TOÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGÂN HÀNG TẠI VIỆT NAM

- Ngân hàng nhà nước (NHNN) cần phối hợp với các cơ quan quản lý khác như Ủy ban chứng khoán nhà nước, Ủy ban giám sát tài chính quốc gia để rà soát lại cơ cấu sở hữu của các NH, giám sát việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, NHNN yêu cầu các NH vi phạm các quy định về sở hữu chéo, đầu tư, giới hạn sở hữu vốn và cấp tín dụng cũng như các quy định an toàn khác phải có biện pháp xử lý.

- Bên cạnh đó, khi xem xét việc tăng vốn điều lệ của các NH, NHNN tăng cường công tác xác minh nguồn tiền của các cổ đông và người có liên quan khi tham gia góp vốn, mua cổ phần tại các NH. NHNN giám sát chặt chẽ quan hệ tín dụng của những cổ đông và người có liên quan tại các NH có liên quan để một mặt đánh giá khả năng tài chính của cổ đông; mặt khác, ngăn chặn, phát hiện và xử lý tình trạng thao túng, chi phối NH dẫn đến vi phạm giới hạn cấp tín dụng cho cổ đông và người liên quan.

- Theo điều 55 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, giới hạn sở hữu cho phép là 5% đối với cá nhân, 15% đối với tổ chức và tối đa là 20% đối với tổ chức cộng các bên liên quan nhưng hiện trên thị trường vẫn còn một số cổ đông nắm tỷ lệ cổ phần vượt rào, vậy yêu cầu các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp nhà nước nói riêng xây dựng lộ trình thoái vốn đầu tư trong lĩnh vực NH, chỉ tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi. Điều này sẽ góp phần hạn chế những khoản cho vay, đầu tư theo quan hệ giữa doanh nghiệp và NH.

- Phải luật hóa vấn đề sở hữu chéo, có những thông tư, quy định chặt chẽ hơn nữa về hoạt động sở hữu và góp vốn giữa doanh nghiệp và ngân hàng, khống chế tỷ lệ sở hữu tại các tổ chức tài chính tín dụng bởi cá nhân cũng như doanh nghiệp. Thực tế cho thấy, cần tăng tốc quá trình áp dụng và giám sát các tiêu chuẩn an toàn theo yêu cầu và tiêu chuẩn quốc tế (Basel II và III đối với ngành ngân hàng) vào hoạt động kinh doanh và quản lý tín dụng Việt Nam. Bên cạnh đó cũng cần có những quy định cụ thể nhằm cơ cấu lại tỷ lệ sở hữu giữa các NH với các doanh nghiệp nhằm hạn chế các tác động tiêu cực của sở hữu chéo đối với nền kinh tế, ban hành các quy định để giải quyết các vấn đề bất cập về sở hữu chéo như xác minh nguồn tiền của các cổ đông và người có liên quan khi tham gia góp vốn, mua cổ phần tại các NH thông qua các hồ sơ chứng minh năng lực tài chính và quan hệ tín dụng tại các NH khi xem xét việc tăng vốn điều lệ của các NH.

- Thắt chặt việc thanh tra giám sát đối với hoạt động tài chính ngân hàng nhằm đảm bảo thực hiện đúng các quy định pháp luật về sở hữu, góp vốn ngân hàng và đặc biệt là quy định về giới hạn tín dụng, an toàn tín dụng, trích lập rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tài chính ngân hàng. Nâng cao vai trò của cơ quan thanh tra nhằm đảm bảo giám sát hoạt động ngân hàng phải được thực hiện đồng bộ, thông suốt trong toàn hệ thống để làm rõ mạng lưới phức tạp đã hình thành và tìm cách ngăn chặn sự lặp lại sở hữu chéo trong tương lai.

- Bản thân các NH phải có sự minh bạch khi ra các phán quyết tín dụng và đầu tư. Thực hiện hoạt động cấp tín dụng theo đúng quy trình, tuân thủ các quy định của pháp luật, tránh dùng các mối quan hệ thân quen, sân sau để thực hiện hoạt động cho vay, như vậy sẽ hạn chế được rủi ro tín dụng, giảm tỷ lệ nợ xấu ngân hàng. Bên cạnh đó cần thực hiện lành mạnh hóa tài chính của ngân hàng mình, nghiêm túc trong xử lý nợ xấu theo các quy định của nhà nước nhằm giảm thiểu tác động xấu của sở hữu chéo.

5. KẾT LUẬN

Sở hữu chéo là hiện tượng trong nền kinh tế thị trường. Sở hữu chéo ở mức độ nhất định sẽ mang lại những lợi ích như hỗ trợ nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện trao đổi kinh nghiệm, nguồn nhân lực, tài chính, công nghệ giữa các đối tác. Tuy nhiên, trong điều kiện các công cụ thanh tra, giám sát chưa hiệu quả, sở hữu chéo dễ bị lạm dụng, tạo ra chuỗi sở hữu phức tạp, khó kiểm soát, dẫn đến các nguyên tắc quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro không được tôn trọng, hoạt động kinh doanh kém minh bạch, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Chính vì vậy, quan trọng nhất là phải hoàn thiện khung pháp lý về sở hữu chéo, hướng đến sự minh bạch trong hoạt động tài chính để sở hữu chéo nếu tồn tại thì sẽ được kiểm soát chặt chẽ. Hoạt động thanh tra giám sát phải được chú trọng và tăng cường để không chỉ phát hiện mà còn cảnh báo sớm và đo lường các tác động tiêu cực của sở hữu chéo đối với sự lành mạnh của hệ thống NHTM.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đinh Tuấn Minh, “Vấn đề sở hữu chéo và đầu tư chéo trong quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng tại Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo rủi ro sở hữu chéo và đầu tư chéo - Thực trạng và giải pháp cho thị trường tài chính Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức*, trang 227-245, Hà Nội, 2013.

[2]. Ngân hàng Nhà nước, “Thông tư số 13/2010/TT-NHNN ngày 20/5/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng”, Hà Nội, 2010.

[3]. Nguyễn Đức Mậu và Nguyễn Xuân Thành, “Cấu trúc sở hữu trong khu vực ngân hàng thương mại Việt Nam”, *Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright*, <http://www.fetp.edu.vn/vn/tinh-huong/cau-truc-so-huu-trong-khuvuc-ngan-hang-thuong-mai-viet-nam/>, 2012.

[4]. Nguyễn Minh Phong, “Sở hữu chéo - Những hệ lụy và giải pháp cần có”, <http://www.doimoi.org/detailsnews/1632/339/so-huu-cheo-nhung-he-luy-va-giai-phap-can-co.html>>. [Ngày truy cập: 18 tháng 3 năm 2016], 2012.

[5]. Website: www.sbv.gov.vn, www.vietcombank.com.vn, www.vietinbank.vn,...